

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HS-ST
Ngày 17-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Ông Ngô Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2018/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/HSST-QĐ ngày 04/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu P, sinh năm 1990 tại tỉnh N; thường trú: Xóm H, xã N, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân D, đã chết và con bà Đặng Thị X, sinh năm 1969; bị cáo có 04 anh em ruột (lớn sinh năm 1989 và nhỏ sinh năm 1994);

Tiền án:

+ Ngày 03/01/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 07 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2011;

+ Ngày 10/7/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2014;

+ Ngày 23/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xử phạt 02 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2017;

Tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 21/01/2018, có mặt.

Người bị hại:

Anh Lê S, sinh năm 1996; thường trú: Ấp B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: 1/169B đường D, khu phố 3, phường T, quận 9, thành phố H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Anh T, sinh năm 1987; thường trú: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh V; chỗ ở hiện nay: 345 Đ, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992; thường trú: Ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: 345 Đ, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/01/2018, Nguyễn Hữu P đang ở phòng trọ tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B thì có bạn tên T (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) đến chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, P nhờ T chở đến khu công nghiệp Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B để giao vé xe cho khách. T điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) chở P đi, khi đi đến đoạn đường Đ thuộc khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh B thì P kêu T dừng xe để P đi vệ sinh. P xuống xe đi bộ thì phát hiện trong kiot số 345 trên đường Đ có dựng 01 xe máy hiệu Future biển số 66V1 – 461.14, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Quan sát không có người trông coi nên P đi bộ tiếp cận bên trái xe mô tô, quay đầu xe, dẫn ra ngoài được khoảng 05m thì bị anh Huỳnh Văn T phát hiện, bắt giữ P cùng tang vật.

Theo kết luận định giá số 25/BB.ĐG ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là một xe mô tô hiệu Honda Future X, màu xám đen vàng, số khung 350AY214761, số máy JC45E0048814, biển số 66V1 – 461.14, trị giá 18.000.000 đồng, đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 25/BB.ĐG ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Tại cáo trạng số 107/CT - VKS ngày 12 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, trong phần thực hiện nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu P thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An. Bị cáo khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 21/01/2018, tại kiot số 345 trên đường Đ thuộc khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh B, Nguyễn Hữu P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda Future X, màu xám đen vàng, số khung 350AY214761, số máy JC45E0048814, biển số 66V1 – 461.14 của anh Lê S, trị giá 18.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu P đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/01/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 07 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2011; Ngày 10/7/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2014; Ngày 23/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xử phạt 02 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2017. Như vậy, bị cáo chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

....

g) Tái phạm nguy hiểm.

Do đó, Cáo trạng số 107/CT– VKS ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B và luận tội của Kiểm sát viên, truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Nguyễn Hữu P thực hiện là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên khi lượng hình cũng cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp, đã từng bị xét xử 03 lần cùng về tội Trộm cắp tài sản.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã N, huyện

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T, tỉnh N;

- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

Trần Thị Thắm